|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ MINH HỌA THPT TRƯỜNG LÝ NHÂN TÔNG**  **SỐ 20** | **KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2023**  **Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI**  **Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ**  *Thời gian làm bài: 50 phút; không kể thời gian phát đề* |

**Họ, tên thí sinh:**.............................................................................. **Số báo danh:** ....................

**Câu 41:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐẬU TƯƠNG CỦA CAM-PU-CHIA VÀ THÁI LAN, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** |
| Cam-pu-chia | 104,2 | 95,0 | 30,0 | 31,0 |
| Thái Lan | 57,7 | 41,2 | 35,5 | 27,2 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với sự thay đổi sản lượng đậu tương năm 2020 so với năm 2015 của Cam-pu-chia và Thái Lan?

**A.** Cam-pu-chia giảm chậm hơn Thái Lan. **B.** Thái Lan giảm chậm hơn Cam-pu-chia.

**C.** Cam-pu-chia giảm ít hơn Thái Lan. **D.** Thái Lan giảm, Cam-pu-chia tăng.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí hậu nào sau đây có tổng lượng mưa trung bình năm trên 2800mm?

**A.** Hải Phòng. **B.** TP. Hồ Chí Minh.

**C.** Hà Nội. **D.** Huế.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm công nghiệp Nha Trang **không** có ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây?

**A.** Thủy hải sản. **B.** Lương thực.

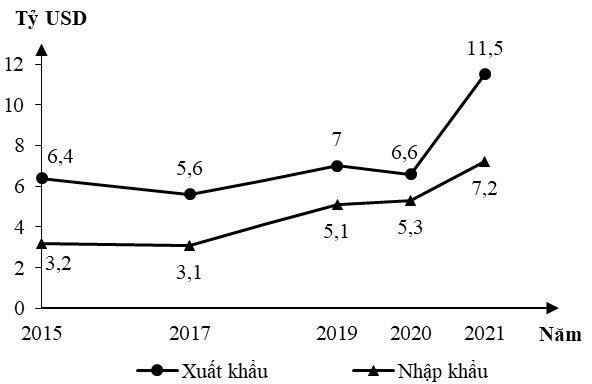
**C.** Rượu, bia, nước giải khát. **D.** Sản phẩm chăn nuôi.

**Câu 44:** Công nghiệp chế biến thủy hải sản của nước ta phân bố chủ yếu ở vùng nào sau đây?

**A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Đông Nam Bộ. **D.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 45:** Cho biểu đồ:

0396752282 

0396752282 GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA BRU-NÂY, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi giá trị xuất khẩu, nhập khẩu năm 2021 so với năm 2015 của Bru-nây?

**A.** Xuất khẩu tăng chậm hơn nhập khẩu. **B.** Xuất khẩu tăng ít hơn nhập khẩu.

**C.** Nhập khẩu tăng gấp hai lần xuất khẩu. **D.** Nhập khẩu tăng và xuất khẩu giảm.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết đâu là khu kinh tế ven biển thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Móng Cái. **B.** Thanh Thủy. **C.** Vân Đồn. **D.** Tây Trang.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, hãy cho biết khu kinh tế ven biển Năm Căn thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Đồng Tháp. **B.** Cà Mau. **C.** An Giang. **D.** Kiên Giang.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết cửa sông nào sau đây **không** thuộc hệ thống sông Mê Công?

**A.** Cửa Tiểu **B.** Cửa Đại **C.** Cửa Định An. **D.** Cửa Soi Rạp.

**Câu 49:** Các trung tâm công nghiệp nước ta hiện nay

**A.** chủ yếu có quy mô lớn. **B.** phân bố không đồng đều.

**C.** có cơ cấu ngành hiện đại. **D.** tập trung ở miền núi.

**Câu 50:** **:** Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về

**A.** mật độ dân số. **B.** sản lượng lương thực.

**C.** giá trị hàng xuất khẩu. **D.** nuôi thủy sản.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết quốc lộ số 1 **không** đi qua tỉnh nào sau đây?

**A.** Lâm Đồng. **B.** Khánh Hoà. **C.** Bình Thuận. **D.** Quảng Nam.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết khu kinh tế ven biển Hòn La thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Thừa Thiên Huế. **B.** Hà Tĩnh. **C.** Quảng Bình. **D.** Quảng Trị.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 8 nối Hồng Lĩnh với cửa khẩu nào sau đây?

**A.** Na Mèo. **B.** Cha Lo. **C.** Nậm Cắn. **D.** Cầu Treo.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết tỉnh nào sau đây có 2 di sản văn hóa thế giới?

**A.** Thừa thiên - Huế. **B.** Quảng Nam. **C.** Đà Nẵng. **D.** Quảng Ngãi.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng, cho biết khu kinh tế nào sau đây **không** thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Trà Lĩnh. **B.** Thanh Thủy. **C.** Đình Vũ - Cát Hải. **D.** Vân Đồn.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biếttrung tâm công nghiệp Quy Nhơn thuộc tỉnh nào sau đây?

**A.** Khánh Hòa. **B.** Quảng Nam. **C.** Bình Định. **D.** Quảng Ngãi.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết hai đô thị nào sau đây có quy mô dân số lớn nhất ở vùng Bắc Trung Bộ?

**A.** Thanh Hoá, Vinh. **B.** Thanh Hóa, Huế. **C.** Vinh, Huế. **D.** Vinh, Hà Tĩnh.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với tỉnh Thanh Hóa?

**A.** Quảng Trị. **B.** Quảng Bình. **C.** Nghệ An. **D.** Hà Tĩnh.

**Câu 59:** Căn cứ vào Át lát Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi Lang Bian thuộc cao nguyên nào sau đây?

**A.** Mơ Nông. **B.** Di Linh. **C.** Lâm Viên. **D.** Kom Tum.

**Câu 60:** Để đảm bảo sử dụng lâu dài nguồn lợi sinh vật nước ta cần phải

**A.** khai thác gỗ trong rừng tự nhiên. **B.** tập trung khai thác vùng ven biển

**C.** cấm săn bắt động vật hoang dã. **D.** dùng chất nổ để đánh bắt thủy sản.

**Câu 61:** Hạn hán ở nước ta

**A.** chỉ có tại nơi khuất gió. **B.** chỉ xảy ra ở miền núi.

**C.** kéo dài nhất tại miền Bắc. **D.** xảy ra trong mùa khô.

**Câu 62:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào có tổng số trâu và bò lớn nhất trong các tỉnh sau đây?

**A**. Hà Tĩnh. **B**. Nghệ An. **C**. Quảng Trị. **D**. Quảng Bình.

**Câu 63:** Chăn nuôi lợn tập trung nhiều ở các đồng bằng lớn của nước ta chủ yếu là do

**A.** thị trường tiêu thụ lớn, lao động có kinh nghiệm.

**B.** lao động có kinh nghiệm, dịch vụ thú y đảm bảo.

**C.** dịch vụ thú y đảm bảo, nguồn thức ăn phong phú.

**D.** nguồn thức ăn phong phú, thị trường tiêu thụ lớn.

**Câu 64:** Hoạt động đánh bắt thủy sản của nước ta hiện nay

**A.** có nhiều sản phẩm khác nhau. **B.** chủ yếu phát triển ở sông suối.

**C.** chỉ tập trung ở các vùng biển. **D.** hoàn toàn phục vụ xuất khẩu.

**Câu 65:** Công nghiệp nước ta hiện nay chuyển dịch theo hướng

**A.** phù hợp hơn với yêu cầu thị trường. **B.** ưu tiên đầu tư cho các vùng núi cao.

**C.** chỉ tập trung tiêu dùng ở trong nước. **D.** tăng tỉ trọng các ngành khai khoáng.

**Câu 66:** Vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay

**A.** tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị thấp hơn nông thôn

**B.** tỉ lệ thiếu việc làm nông thôn thấp hơn thành thị.

**C.** tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm giảm nhanh.

**D.** là một vấn đề kinh tế - xã hội ở lớn hiện nay.

**Câu 67:** Ý nghĩa về kinh tế của các đảo và quần đảo ở nước ta là

**A.** tạo thành hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền. **B.** bảo vệ tài nguyên, môi trường vùng biển.

**C.** bảo vệ chủ quyền biển đảo và thềm lục địa. **D.** khai thác có hiệu quả nguồn lợi vùng biển.

**Câu 68:** Vị trí nằm ở rìa đông lục địa Á - Âu thông ra Thái Bình Dương rộng lớn đã làm cho khí hậu nước ta

**A.** có lượng mưa lớn, cân bằng ẩm luôn dương. **B.** mang tính chất nhiệt đới, nhiều thiên tai.

**C.** có nền nhiệt cao, tăng dần từ bắc vào nam. **D.** phân mùa sâu sắc, mang tính thất thường.

**Câu 69:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho tỉ lệ dân thành thị nước ta ngày càng tăng là

**A.** chính sách phân bố lại dân cư giữa các vùng. **B.** chất lượng cuộc sống ở thành thị tốt hơn.

**C.** quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa phát triển. **D.** dân nông thôn ra thành thị tìm việc làm.

**Câu 70:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vận tải đường ống nước ta?

**A.** Có lịch sử xuất hiện và phát triển chưa lâu. **B.** Gắn với sự phát triển của ngành dầu khí.

**C.** Mạng lưới phát triển rộng khắp cả nước. **D.** Vận chuyển chủ yếu là chất lỏng, chất khí.

**Câu 71:** Biện pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** mở rộng diện tích đăc sản, chú trọng thủy lợi, cải tạo đất đai.

**B.** phát triển vùng chuyên canh; tăng đầu tư, chế biến và bảo quản.

**C.** tăng cường chế biến, xuất khẩu; tập trung thị trường trọng điểm.

**D.** đầu tư khoa học công nghệ, chế biến; tạo thương hiệu sản phẩm.

**Câu 72:** Biện pháp quan trọng để giảm tình trạng nhập siêu ở nước ta là

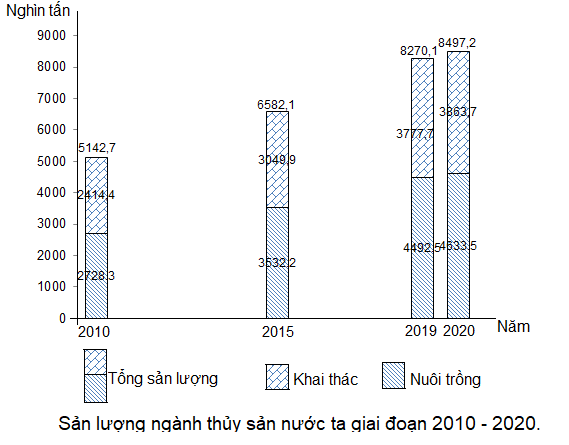
**A.** tăng cường hợp tác, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

**B.** đẩy mạnh sản xuất, hạn chế nhập khẩu hàng hóa.

**C.** đẩy mạnh sản xuất, nâng cao chất lượng hàng hóa.

**D.** giảm nhập khẩu các nguyên liệu, tư liệu sản xuất.

**Câu 73:** Cho biểu đồ về sản lượng ngành thủy sản nước ta, giai đoạn 2010-2020.

****

*(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021).*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Cơ cấu sản lượng ngành thủy sản nước ta. **B.** Thay đổi cơ cấu sản lượng thủy sản nước ta.

**C.** Quy mô sản lượng ngành thủy sản nước ta **D.** Tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản nước ta.

**Câu 74:** Biện pháp cấp bách nhất hiện nay để bảo vệ rừng tự nhiên ở Tây Nguyên là

**A.** đóng cửa rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng. **B.** đẩy mạnh việc khoanh nuôi, trồng rừng mới.

**C.** chú trọng giao đất, giao rừng cho người dân. **D.** khai thác rừng hợp lí, đẩy mạnh chế biến gỗ.

**Câu 75:** Sự phân công lao động theo lãnh thổ của Duyên hải Nam Trung Bộ hiện nay có nhiều đổi mới chủ yếu do tác động của

**A.** đẩy mạnh xuất khẩu, du lịch phát triển mạnh. **B.** tăng trưởng kinh tế, phát huy các thế mạnh.

**C.** hội nhập thế giới rộng, thúc đẩy nhập khẩu.  **D.** xây dựng cảng nước sâu, phát triển khu kinh tế.

**Câu 76:** Nguyên nhân dẫn đến tình trạng hạn mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long ngày càng gay gắt là

**A.** địa hình thấp, phương thức canh tác lạc hậu. **B.** mùa khô kéo dài, lưu lượng nước sông giảm.

**C.** nhiều sông ngòi, địa hình thấp và bằng phẳng. **D.** rừng ngập mặn suy giảm, có nhiều cửa sông.

**Câu 77:** Ý nghĩa chủ yếu của sự chuyển dịch cơ cấu ngành trong khu vực II của Đồng bằng sông Hồng là

**A.** tăng cường sức hút đầu tư nước ngoài và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng.

**B.** đẩy nhanh quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng.

**C.** giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

**D.** thích ứng với thay đổi của thị trường và tăng hiệu quả đầu tư.

**Câu 78:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển kinh tế biển ở Bắc Trung Bộ là

**A**. phát huy nguồn lực, tăng trưởng kinh tế, nâng cao mức sống.

**B.** thay đổi cơ cấu kinh tế, đa dạng sản phẩm, tạo hàng xuất khẩu.

**C**. tạo ra việc làm, tăng sự phân hóa lãnh thổ, phân bố lại dân cư.

**D**. thu hút đầu tư, phát huy các thế mạnh, nâng cao vị thế vùng.

**Câu 79:** Sinh vật nhiệt đới chiếm ưu thế ở nước ta chủ yếu là do

**A**. vị trí nội chí tuyến, núi thấp chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ, luồng di cư sinh vật.

**B**. nền nhiệt cao, địa hình phân hoá đa dạng, lượng mưa lớn và tập trung cường độ cao.

**C.** thuộc vùng nhiệt đới bán cầu Bắc, luồng di cư sinh vật phương Nam, gió Tín phong.

**D**. lượng bức xạ Mặt Trời lớn, hướng của địa hình đa dạng, lượng mưa theo mùa rõ rệt.

**Câu 80:** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG HỒ TIÊU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2021** |
| Diện tích *(nghìn ha)* | 101,6 | 152,0 | 140,2 | 139,7 |
| Sản lượng *(nghìn tấn)* | 176,8 | 252,6 | 264,8 | 280,8 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2015 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Cột. **B.** Đường. **C.** Tròn. **D.** Miền.

**----------HẾT----------**

- *Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam.*

- *Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm*.